TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP
VIETNAM STEEL CORPORATION

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2023
(Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023)

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP

Trụ sở chính:	91 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại:	84. 24. 3856 1767
Fax:	84. 24. 3856 1815
Website:	www.vnsteel.vn

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP**
- Tên tiếng Anh: **VIETNAM STEEL CORPORATION**
- Tên viết tắt: **VNSTEEL.CORP**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100100047
- Vốn điều lệ: 6.780.000.000.000 đồng *(Sáu nghìn bảy trăm tám mươi tỷ đồng)*
- Địa chỉ: 91 Láng Hạ, Q. Đống Đa, Hà Nội
- Số điện thoại: 84. 4. 3856 1767
- Số fax: 84. 4. 3856 1815
- Website: www.vnsteel.vn
- Mã cổ phiếu: TVN

2. Quá trình hình thành và phát triển

2.1. Thành lập

Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP ("***Tổng công ty/VNS***") được hình thành qua các thời kỳ, gắn liền với sự phát triển của đất nước nói chung và ngành công nghiệp luyện kim nói riêng, trên cơ sở hợp nhất, sáp nhập nhiều doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị trong ngành sản xuất thép và kinh doanh kim khí thuộc sở hữu nhà nước.

Thực hiện Quyết định số 91/QĐ-TTg ngày 07 tháng 3 năm 1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thí điểm thành lập Tập đoàn kinh doanh ở một số bộ quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật (gọi tắt là Tổng công ty 91), ngày 29 tháng 4 năm 1995, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 255/QĐ-TTg thành lập Tổng công ty Thép Việt Nam trên cơ sở hợp nhất Tổng công ty Thép Việt Nam thuộc Bộ Công nghiệp nặng và Tổng công ty Kim khí thuộc Bộ Thương mại.

Nhiệm vụ chính của Tổng công ty là xây dựng và phát triển theo mô hình kinh doanh đa ngành, với hoạt động cốt lõi là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thép.

CÁC THÀNH TÍCH TIÊU BIỂU CỦA VNSTEEL VÀ CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

Huân chương Độc lập Hạng Nhất

Huân chương Độc lập Hạng Nhì

Huân chương Độc lập Hạng Ba

Anh hùng LLVT

Giải thưởng Quả Cầu Vàng

Giải thưởng Hàng Việt Nam chất lượng cao

Cúp Ngôi sao chất lượng

Cúp Sen vàng

Cúp vàng thương hiệu ngành xây dựng Việt Nam

2.3. Các dấu mốc lịch sử

- **29/4/1995:** Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 255/QĐ-TTg thành lập Tổng công ty Thép Việt Nam trên cơ sở hợp nhất và sáp nhập nhiều doanh nghiệp, đơn vị trong ngành sản xuất thép, trong đó có Tổng công ty Thép Việt Nam thuộc Bộ Công nghiệp và Tổng công ty Kim khí thuộc Thương mại.

- **23/11/2006:** Thành lập Công ty mẹ - Tổng công ty Thép Việt Nam.

- **21/6/2007:** Thủ tướng ký Quyết định phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty mẹ - Tổng công ty Thép Việt Nam.

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng công ty bao gồm: khai thác quặng sắt, than mỡ, nguyên liệu trợ dung; sản xuất gang, thép và các kim loại, sản phẩm thép; xuất nhập khẩu thép, vật tư thiết bị và trang thiết bị luyện kim, chuyển giao công nghệ và hỗ trợ kỹ thuật; thiết kế, chế tạo trang thiết bị, thi công xây lắp công trình luyện kim và xây dựng dân dụng; kinh doanh khách sạn, nhà hàng và vật tư tổng hợp; đào tạo nghề, nghiên cứu khoa học công nghệ; đầu tư, liên doanh, liên kết kinh tế và hợp tác lao động với nước ngoài.

2.2. Cổ phần hóa

Ngày 31/12/2009, Văn phòng Chính phủ đã ban hành công văn số 373/TB-VPCP về việc thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ theo đó: "*Đồng ý cổ phần hóa Công ty mẹ của Tổng công ty Thép Việt Nam, Nhà nước nắm giữ trên 65% vốn Điều lệ*".

Căn cứ văn bản nêu trên, ngày 15/01/2010, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 0256/QĐ-BCT về việc cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Thép Việt Nam. Sau khi có Quyết định cổ phần hóa, Ban Chỉ đạo và Lãnh đạo Tổng công ty Thép Việt Nam đã khẩn trương thực hiện việc xác định giá trị doanh nghiệp và xây dựng phương án cổ phần hóa theo lộ trình đã đề ra.

Ngày 18/4/2011, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 552/QĐ-TTg về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Thép Việt Nam. Thực hiện Quyết định nêu trên, Tổng công ty Thép Việt Nam đã tiến hành bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng và tổ chức Đại hội đồng cổ đông để chuyển thành Tổng công ty cổ phần. Kể từ ngày 29/9/2011, Tổng công ty Thép Việt Nam đã chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100047 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

- 01/7/2007: Tổng công ty chính thức đi vào hoạt động theo mô hình công ty mẹ - con.

- 31/12/2009: Văn phòng Chính phủ ban hành Công văn số 373/TB-VPCP về việc thông báo kết luận của Thủ tướng theo đó: "*Đồng ý cổ phần hóa Công ty mẹ của Tổng công ty Thép Việt Nam, Nhà nước nắm giữ trên 65% vốn điều lệ*".

- 15/01/2010: Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 0256/QĐ-BCT về việc cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Thép Việt Nam.

- 29/9/2011: Tổng công ty Thép Việt Nam chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

3.1. Ngành nghề kinh doanh:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100047 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Hội cấp ngày 05 tháng 02 năm 1996 (đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 22 tháng 10 năm 2019), Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP được phép kinh doanh các ngành nghề sau đây:

- Sản xuất sắt, thép, gang;
- Sản xuất sản phẩm chịu lửa;
- Quảng cáo;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Điều hành tour du lịch;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
- Tái chế phế liệu;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác than mỡ và các nguyên liệu phụ trợ dùng cho công nghiệp sản xuất thép;
- Bán buôn phế liệu kim loại, cao su, xăng, dầu, mỡ, ga và các loại vật tư phụ tùng, thiết bị phục vụ cho sản xuất thép, xây dựng, giao thông, cơ khí và các ngành công nghiệp khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;

- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất hóa chất cơ bản;
- Đại lý du lịch;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động;
- Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, toán, thuế và chứng khoán);
- Hoạt động của các cơ sở thể thao;
- Xây dựng nhà các loại;

Phá dỡ;

Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;

Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;

Sản xuất các cấu kiện kim loại;

Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;

Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;

Đại lý;

Hoạt động thể thao khác;

Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;

Xây dựng công trình công ích;

Hoàn thiện công trình xây dựng;

Rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại;

Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;

Sản xuất máy luyện kim;

Bán buôn kim loại và quặng kim loại;

Dịch vụ logistic;

Thiết kế, tư vấn thiết kế các công trình sản xuất thép, các công trình công p và dân dụng;

Kinh doanh các nguyên nhiên liệu, nguyên liệu cán thép, phế liệu kim loại;

Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

.2. Địa bàn kinh doanh: Hà Nội và các tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

4.1. Mô hình quản trị.

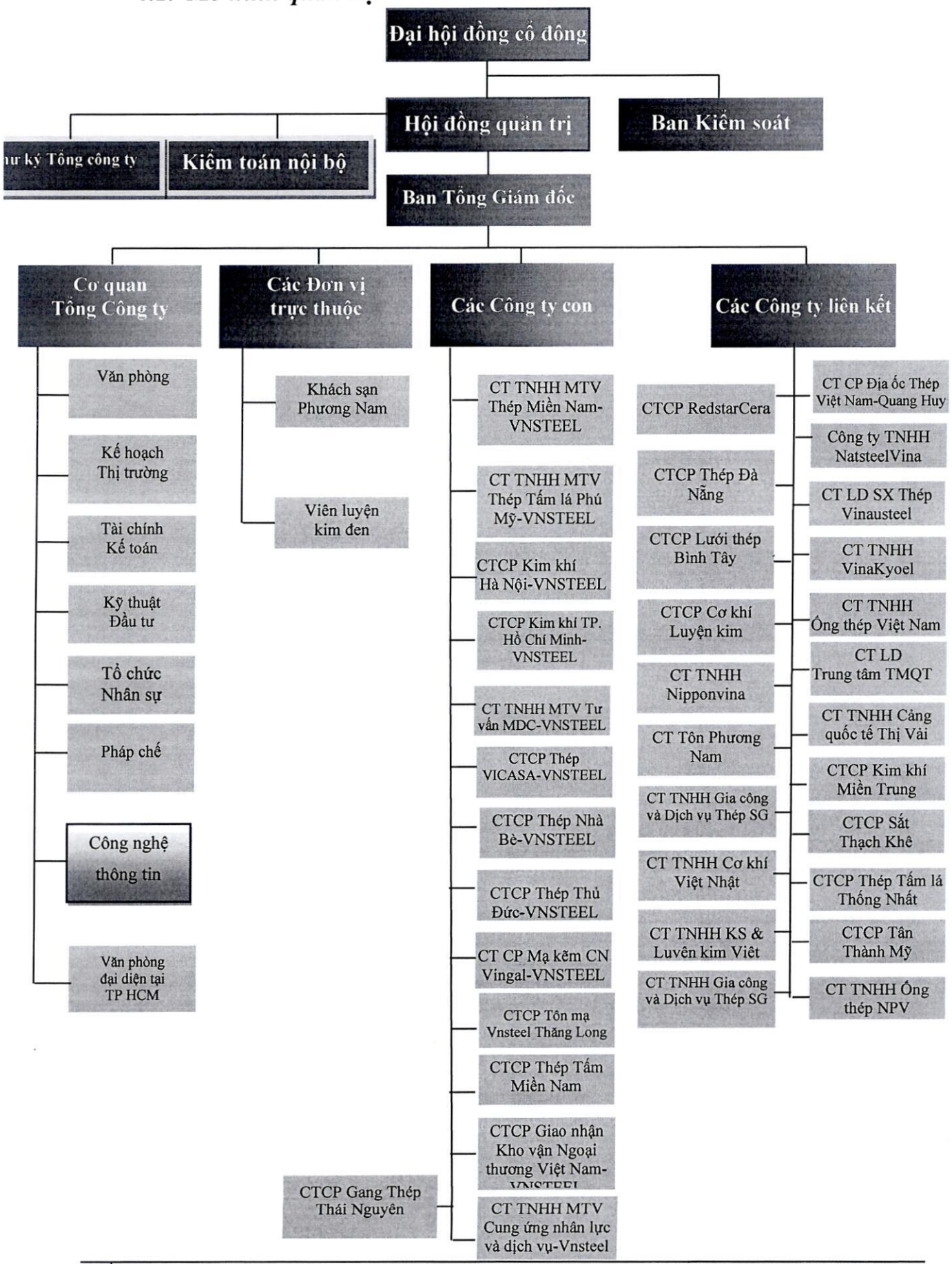

4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

Cơ cấu tổ chức của Tổng công ty bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành (gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng), Thư ký Tổng công ty, các Ban nghiệp vụ và Văn phòng, cụ thể:

a) Hội đồng quản trị Tổng công ty nhiệm kỳ 2021-2026 gồm 05 thành viên: Chủ tịch Hội đồng quản trị (chuyên trách), Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị (chuyên trách) và 03 Thành viên Hội đồng quản trị (kiêm nhiệm);

b) Ban Kiểm soát Tổng công ty nhiệm kỳ 2021-2026 gồm 05 thành viên: Trưởng Ban (chuyên trách), 02 thành viên chuyên trách và 02 thành viên kiêm nhiệm;

c) Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty gồm 04 thành viên: Tổng Giám đốc và 03 Phó Tổng Giám đốc phụ trách các lĩnh vực theo sự phân công của Tổng Giám đốc;

d) Các bộ phận tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị gồm: Thư ký Tổng công ty, Ban Kiểm toán nội bộ, Trợ lý Hội đồng quản trị;

e) Bộ máy giúp việc chung gồm 8 phòng/ban nghiệp vụ được tổ chức tại trụ sở chính: Văn phòng và các Ban: Tài chính - Kế toán, Tổ chức - Nhân sự, Kế hoạch - Thị trường, Kỹ thuật - Đầu tư, Pháp chế, Công nghệ Thông tin và Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh.

g) Các công ty con:

	Tên doanh nghiệp	Địa điểm kinh doanh	Ngành nghề kinh doanh	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu của VNS
1	Công ty TNHH Một thành viên Thép Miền Nam-VNSTEEL	Khu công nghiệp Phú Mỹ I, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	- Sản xuất sắt, thép, gang. Chi tiết: Sản xuất thép và các loại sản phẩm thép - Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Kinh doanh các sản phẩm thép - Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Mua bán vật tư, nguyên liệu, phế liệu kim loại phục vụ cho sản xuất thép - Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Kinh doanh khí oxy phục vụ luyện thép và nạp chai thành phẩm; - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ xếp dỡ hàng hóa, dịch vụ	1.000.000.000.000 VND	100%

			kho bãi, ký gửi hàng hóa, khai thác cảng.		
2	Công ty TNHH Một thành viên Thép Tấm lá Phú Mỹ-VNSTEEL	Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	- Sản xuất sắt, thép, gang. Chi tiết: Sản xuất thép và các loại sản phẩm thép - Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Kinh doanh các sản phẩm thép - Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh các nguyên liệu, vật tư phụ tùng thiết bị phục vụ sản xuất thép. - Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý môi giới mua bán, ký gửi vật tư, hàng hóa.	800.000.000.000	100%
3	Công ty CP Gang thép Thái Nguyên	Tổ 21, Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Sản xuất sắt, thép, gang; Khai thác quặng sắt; Đại lý, môi giới, đấu giá; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; …	1.840.000.000.000	65%
4	Công ty cổ phần Kim Khí Hà Nội-VNSTEEL	20 đường Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội	Kinh doanh kim khí, nguyên vật liệu phục vụ ngành thép; kinh doanh máy móc, thiết bị phụ tùng, phương tiện vận tải, bốc xếp…	90.000.000.000	89,37%
5	Công ty CP Kim Khí TP Hồ Chí Minh-VNSTEEL	193 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	Mua bán kim khí (kim loại đen, kim loại màu); máy móc thiết bị; nông, lâm, hải sản; khoáng sản; sản phẩm kim loại; gỗ và sản phẩm về gỗ; sản xuất gia công sản phẩm kim khí, kinh doanh khách sạn; lữ hành; cho thuê văn phòng, kho bãi, nhà ở…	272.999.990.000	55,67%
6	Công ty CP Thép tấm Miền Nam	Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà rịa - Vũng tàu		66.587.824.448	74,33%
7	Công ty CP Tôn mạ VNSTEEL Thăng Long	Lô 14 Khu công nghiệp Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội	Sản xuất sắt, thép, gang; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; Bán buôn kim loại và quặng kim loại…	429.750.000.000	89,01%
8	Công ty CP Giao nhận kho vận Ngoại thương Việt Nam	Số 406 Nguyễn Tất Thành, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh	Hoạt động hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Giao nhận vận tải hàng quá cảnh, hàng ngoại giao, hàng hội chợ triển lãm…	255.000.000.000	95,37%

	Công ty cổ phần Thép Nhà Bè-VNSTEEL	Lô 2, Đường Số 3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	Sản xuất thép; Mua bán các sản phẩm thép và nguyên liệu thép; Cán thép, các loại vật tư, phụ tùng, thiết bị phục vụ cho sản xuất thép; Kinh doanh khai thác cảng nội địa; Dịch vụ giao nhận hàng hóa…	144.900.000.000	69,07%
	Công ty cổ phần Thép VICASA-VNSTEEL	Đường số 9, Khu công nghiệp Biên hòa 1, P. An Bình, thành phố Biên hòa, tỉnh Đồng nai	Sản xuất sắt, thép, gang; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, đường bộ; Tái chế phế liệu; Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại…	151.873.220.000	65,00%
	Công ty cổ phần Thép Thủ Đức-VNSTEEL	Km 9, Xa Lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu thép và sản phẩm thép; nguyên nhiên liệu, thứ phế liệu kim loại cho sản xuất; Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng; Kinh doanh, khai thác cảng…	122.253.930.000	65,00%
	Công ty CP Mạ kẽm công nghiệp Vingal-VNSTEEL	Số 4, đường 2A, khu công nghiệp Biên Hòa II, Biên Hòa, Đồng Nai	Sản xuất các sản phẩm thép và thép mạ	93.251.550.000	51,00%
	Công ty TNHH MTV Tư vấn MDC-VNSTEEL	Số 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, Quận 1, TP Hồ Chí Minh	Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình; Thẩm tra thiết kế kết cấu công trình giao thông cầu đường bộ; Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình giao thông cầu đường bộ...	5.000.000.000	100%
	Công ty TNHH MTV Cung ứng nhân lực và dịch vụ-Vnsteel	Số 63, ngõ 42, Phố Lạc Trung, P. Thanh Lương, Q.Hai Bà Trưng, Tp Hà Nội	Cung ứng và quản lý nguồn lao động (xuất khẩu lao động); kinh doanh dịch vụ du lịch đào tạo, du học	6.800.000.000	100%

Công ty liên doanh, liên kết

	Tên doanh nghiệp	Địa điểm kinh doanh	Ngành nghề kinh doanh	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu của VNS
	Công ty CP Kim Khí Miền Trung	16 Thái Phiên, Quận Hải Châu - TP Đà Nẵng	Cung cấp thép xây dựng các loại cho các công trình. Kinh doanh, xuất nhập khẩu kim khí, vật tư thứ liệu, phế liệu kim loại, vật tư tổng hợp, vật liệu xây dựng; thép xây dựng dân dụng và công nghiệp. Đầu tư kinh doanh khách sạn, văn phòng cho thuê và chung cư	98.465.620.000	38,30%

			cao tầng. Kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi. Đại lý phân phối sản phẩm cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước.		
2	Công ty cổ phần RedstarCera	Phường Cộng Hòa, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Khai thác chế biến đất chịu lửa, đất sét trắng, quặng đô lô mit; mua bán vật liệu chịu lửa, vật liệu xây dựng các loại…	110.000.000.000	20,05%
3	Công ty TNHH KS và LK Việt Trung	Khu công nghiệp Tằng Loỏng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.	Khai thác mỏ và sản xuất sắt thép	101.256.146 USD	46,86%
4	Công ty CP Thép Đà Nẵng	Đường Tạ Quang Bửu, khu CN Liên Chiểu, P. Hòa Hiệp Bắc, Q. Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng	Sản xuất sắt thép gang; Xuất nhập khẩu các sản phẩm thép, vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu và trang thiết bị phục vụ sản xuất và kinh doanh thép; Đại lý, kinh doanh mua bán vật tư, nguyên vật liệu…	216.000.000.000	31,16%
5	Công ty TNHH Thép Vinakyoei	Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Cán, kéo các SP bằng thép và kinh doanh các SP đó.	78.000.000 USD	40,00%
6	Công ty TNHH Nasteelvina	Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên	Cán, kéo các SP bằng thép; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Rèn, dập, ép kim loại; Khoan, tiện, nghiền, mài, bào, đục, cưa, đánh bóng, hàn, nối… các phần của khung kim loại; Kinh doanh, xuất nhập khẩu các sản phẩm cơ kim khí.	17.170.928 USD	36,70%
7	Công ty LD sản suất thép Vinausteel	Km 9, phường Quán Toan, Quận Hồng Bàng, Tp Hải Phòng	Cán, kéo các SP bằng thép và kinh doanh các SP đó.	12.100.000 USD	30,00%
8	Công ty TNHH Ống thép Việt Nam	Km 9, phường Quán Toan, Quận Hồng Bàng, Tp Hải Phòng	Sản xuất các loại ống thép; gia công những cấu kiện từ ống thép (đen và mạ kẽm); gia công mạ những cấu kiện, thiết bị bằng thép.	3.396.550 USD	50,00%
9	Công ty TNHH Trung tâm TMQT	34 Lê Duẩn, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh	Cho thuê văn phòng, căn hộ và cửa hàng	23.353.977 USD	50,00%
10	Công ty TNHH Cảng quốc tế Thị Vải	Thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Xây dựng và kinh doanh một cảng biển tổng hợp phục vụ cho việc tiếp nhận, bốc dỡ tàu chở sắt thép và phục vụ cho tàu chở hàng bách hóa tổng hợp và hàng container	39.852.000 USD	12,75%
11	Công ty CP Thép Tấm lá Thống Nhất	Khu công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất thép tấm lá cán nguội và các sản phẩm sau cán; xuất nhập khẩu máy móc thiết bị ngành thép.	200.000.000.000	31,25%

Công ty TNHH Nippovina	Lô D1 29 - 30 Đường VL2, KCN Vĩnh Lộc 2, Bến Lức, Long An	Sản xuất và lắp đặt các sản phẩm tôn và khung sườn nhà xưởng các loại.	27.394.801.163	50,00%
Công ty Tôn Phương Nam	Đường số 3, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Nhơn Trạch, Đồng Nai	Sản xuất tôn mạ màu, tôn mạ kẽm và tôn mạ nhôm kẽm.	48.983.829,78 USD	45,00%
Công ty TNHH Gia công và dịch vụ thép Sài Gòn	Khu công nghiệp Biên Hòa II, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Gia công và cung cấp dịch vụ cắt tôn cuộn, thép tấm; sản xuất thép hình, thép ống, thép góc.	3.772.428 USD	40,17%
Công ty TNHH Cơ khí Việt Nhật	Lô CN2, KCN Nam Cầu Kiền, xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng	SX các SP gang đúc và thép đúc; Thực hiện các dịch vụ KT và công nghệ trong SX cơ khí.	98.246.539.600	28 %
Công ty CP Lưới thép Bình Tây	117 Âu Cơ, P. Phú Trung, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	SX, mua bán sắt thép, kim loại màu, vật liệu xây dựng (không SX tại trụ sở). Chế tạo, lắp đặt thiết bị sản xuất ngành công - nông - lâm - ngư nghiệp...	19.654.400.000	40,06%
Công ty CP Tân Thành Mỹ	Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.	SX và mua bán các sản phẩm vôi, hợp kim sắt, đất đèn, hồ điện cực, que hàn…	83.402.990.000	25,48%
Công ty CP Cơ khí Luyện Kim	Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 2, phường An Bình, Tp Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Chế tạo các sản phẩm cơ khí; Chế tạo, lắp ráp hoàn chỉnh máy móc thiết bị, cụm thiết bị; Đúc sắt thép; Đúc kim loại màu; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;…	26.000.000.000	45,00%
Công ty CP Sắt Thạch Khê		Thăm dò, đầu tư, khai thác, làm giàu quặng sắt và các loại khoáng sản khác; Mua, bán quặng sắt và các sản phẩm từ quặng sắt và khoáng sản khác	2.400.000.000.000	15,12%
Công Ty TNHH Ống Thép Hàn Xoắn Nippon Steel Việt Nam	Đường D3 khu công nghiệp Phú Mỹ II, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tau.	Sản xuất ống thép hàn xoắn	35.000.000 USD	3,85%
Công ty CP địa ốc Thép VN-Quang Huy	232/5 Cộng Hòa, phường 12, Q. Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh.	Kinh doanh bất động sản; Xây dựng nhà các loại, công trình dân dụng, công nghiệp; San lấp mặt bằng…	22.288.524.504	0%

5. Định hướng phát triển

5.1. Mục tiêu chủ yếu:

a) Đẩy mạnh tái cơ cấu:

- Bám sát những nguyên tắc và lộ trình của Đề án tái cơ cấu Tổng công ty. Đẩy mạnh tái cơ cấu để tập trung vào ngành nghề chính, giảm đầu mối quản lý, tạo nguồn lực cho đầu tư phát triển. Tiếp tục rà soát để cập nhật và có những điều chỉnh phù hợp với tình hình cụ thể.

- Sắp xếp lại, tăng cường khả năng và hiệu quả tích hợp, mối liên kết giữa các đơn vị kinh doanh trong hệ thống để hình thành chuỗi giá trị. Xây dựng cơ chế quản lý điều hành tinh gọn, hiệu quả, hiệu lực.

b) Về định hướng phát triển sản phẩm

- Đối với các sản phẩm truyền thống

+ Sản phẩm thép xây dựng: Khôi phục, duy trì và từng bước mở rộng công suất, tiếp tục giữ vững vị trí hiện tại ở sản phẩm thép xây dựng; nắm bắt cơ hội tăng trưởng từ lĩnh vực kinh doanh bất động sản, xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển công nghiệp phụ trợ; chủ động nghiên cứu, cải tiến, đa dạng hóa cơ cấu sản phẩm thép xây dựng để xuất khẩu sang các thị trường tiềm năng khác ngoài thị trường truyền thống Campuchia;

+ Sản phẩm thép dẹt: duy trì và tối ưu hóa các sản phẩm hạ nguồn (cuộn cán nguội và thép tôn mạ).

- Đối với các sản phẩm mới: Từng bước nghiên cứu, đầu tư mới và đầu tư chiều sâu để tiến tới sản xuất các chủng loại thép hợp kim, thép chế tạo, thép chất lượng cao, thép đặc chủng.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Tiếp tục chủ động tái cơ cấu danh mục đầu tư và thiết lập bộ máy quản lý hiệu quả, đáp ứng các chuẩn mực quản trị doanh nghiệp hiện đại;

- Củng cố vị trí, tiếp tục gia tăng thị phần trong nước đối với sản xuất thép xây dựng ở Việt Nam, hướng tới mục tiêu trở thành nhà sản xuất thép có uy tín, thương hiệu mạnh, chất lượng sản phẩm cao trên thị trường và chi phí cạnh tranh.

5.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến các mục tiêu phát triển ngắn hạn và trung hạn của Tổng công ty:

- Nghiên cứu áp dụng các công nghệ mới để tạo bước đột phá về hiệu quả vận hành và lợi thế cạnh tranh. Đầu tư nguồn lực thích đáng để áp dụng công nghệ mới, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; giảm thiểu phát thải và thân thiện môi trường.

- Các dự án đầu tư được phê duyệt đều hướng tới việc sử dụng các trang thiết bị, máy móc sản xuất thép xây dựng tiên tiến, hiện đại; tuân thủ các quy định pháp luật về quản lý môi trường và quy định về PCCC.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2023

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

-Tổng doanh thu theo BCTC hợp nhất: 30.401 tỷ đồng, bằng 85% kế hoạch năm;

- Lợi nhuận trước thuế theo BCTC hợp nhất: lỗ 252 tỷ đồng.

- Doanh thu theo BCTC riêng: 1.325 tỷ đồng, bằng 62% kế hoạch năm.

- Lợi nhuận trước thuế theo BCTC riêng: 13 tỷ đồng.

1.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản lượng chủ yếu:

- Phôi thép: Sản xuất 1,13 triệu tấn, đạt 76% kế hoạch năm và giảm 35% so với năm 2023;

- Thép thành phẩm: Sản xuất 2,93 triệu tấn, đạt 85% kế hoạch năm và giảm 12% so năm 2022; tiêu thụ 2,93 triệu tấn, đạt 85% kế hoạch và giảm 13% so năm 2022.

Năm 2023 tiếp tục là năm đặc biệt khó khăn đối với ngành thép. Nhu cầu thấp, sức mua yếu, giá thép thành phẩm giảm mạnh là những nhân tố chính cản trở doanh nghiệp thép phục hồi trong năm 2023. Trong bối cảnh khó khăn chung của thị trường, sản lượng sản xuất và tiêu thụ cũng như hiệu quả hoạt động tại hầu hết các đơn vị của Tổng công ty đều giảm sút, ảnh hưởng lớn đến kết quả kinh doanh chung của toàn hệ thống Tổng công ty.

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Ban Điều hành:

a) Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị Tổng công ty quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm. Tổng giám đốc điều hành hoạt động hàng ngày của Tổng công ty, là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

b) Các Phó Tổng giám đốc có trách nhiệm chủ động giải quyết các công việc được Tổng giám đốc phân công và phối hợp thực hiện các công việc có liên quan; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ được phân công.

c) Thành viên Ban điều hành:

- Ông Nghiêm Xuân Đa – Tổng Giám đốc

- Ông Phạm Công Thảo – Phó Tổng giám đốc

- Ông Lê Văn Thanh – Phó Tổng giám đốc

- Ông Nguyễn Phú Dương – Phó Tổng giám đốc

- Ông Nguyễn Viết Liêm – Kế toán trưởng

2.1.1. Ông Nghiêm Xuân Đa - Tổng Giám đốc

- Ngày sinh: 29/5/1966

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế mỏ; Cử nhân Luật kinh tế; Thạc sĩ kinh tế tài chính

- Kinh nghiệm công tác:

+ Từ 1990 - 12/1995: Chuyên viên nghiên cứu, Viện Mỏ - Luyện kim;

+ Từ 12/1995 - 09/1996: Chuyên viên Ban QLDA mỏ Thạch Khê, Tổng công ty Thép Việt Nam;

+ Từ 09/1996 - 08/1999: Phó Trưởng Ban QLDA mỏ Thạch Khê, Tổng công ty Thép Việt Nam;

+ Từ 09/1999 - 08/2005: Phó Trưởng phòng Tài chính - Kế toán, Tổng công ty Thép Việt Nam, Đảng uỷ viên;

+ Từ 08/2005 - 01/2006: Quyền Trưởng Phòng Tài chính - Kế toán, Tổng công ty Thép Việt Nam;

+ Từ 01/2006 - 08/2006: Trưởng Phòng Tài chính - Kế toán, đảng uỷ viên, Tổng công ty Thép Việt Nam;

+ Từ 01/8/2006 - 08/2011: Kế toán trưởng, Tổng công ty Thép Việt Nam;

+ Từ 09/2011 - 03/2013: Phó Tổng giám đốc, Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP;

+Từ 04/2013 - 20/4/2014: Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP;

+ Từ 21/4/2014 - 08/2015: Phó Bí thư Đảng uỷ, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP;

+ Từ 09/2015 - 12/2016: Bí thư Đảng uỷ, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP;

+ Từ 01/2017 - 08/2020: Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐQT, Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP;

+ Từ 8/2020 - 29/6/2021: UV BCH Đảng bộ, TV HĐQT Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP;

+ Từ 30/6/2021 - 12/5/2023: Phó Tổng giám đốc, Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước;

+ Từ 12/5/2023 đến nay: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP.

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành:

+ 127.000.000 cổ phần (tương ứng 18,73% vốn điều lệ) theo quyết định uỷ quyền đại diện phần vốn của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước tại Tổng công ty.

2.1.2. Ông Phạm Công Thảo - Phó Tổng giám đốc

- Sinh năm: 04/12/1977

- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh doanh quốc tế.

- Kinh nghiệm công tác:

+ Từ 03/2000 - 07/2007: Chuyên viên Phòng Kế hoạch - Kinh doanh, Tổng công ty;

+ Từ 07/2007 - 05/2010: Phó Trưởng phòng Kế Hoạch - Hợp tác quốc tế, Tổng công ty;

+ Từ 5/2010 - 12/2011: học Thạc sỹ tại Đại học Queensland – Úc;

+ Từ 01/2012 - 03/2012: Phó Trưởng Phòng Kế hoạch và Hợp tác quốc tế, Tổng công ty;

+Từ 04/2012 - 09/2013: Thành viên HĐQT, Phó TGĐ CTCP Trúc Thôn;

+ Từ 09/2013 - 012/2013: Phó Trưởng Ban Vật tư - Xuất nhập khẩu, Tổng công ty;

+ Từ 01/2014 - 03/2014: Quyền Trưởng Ban Kế hoạch và Kiểm soát nội bộ Tổng công ty;

+ Từ 04/2014 - 06/2014: Trưởng Ban Kế hoạch và Kiểm soát nội bộ Tổng công ty;

+ Từ 07/2014 - 08/2016: Trưởng Ban Kế hoạch - Thị trường Tổng công ty;

+ Từ 08/2016 - 04/2018: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty Liên doanh Sản xuất Thép Vinausteel;

+ Từ 04/2018 - 28/6/2021: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty.

+ Từ 28/6/2021 - nay: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc Tổng công ty.

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành:

+ 127.000.000 cổ phần (tương ứng 18,73% vốn điều lệ) theo quyết định uỷ quyền đại diện phần vốn của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước tại Tổng công ty.

2.1.3. Ông Lê Văn Thanh - Phó Tổng giám đốc

- Sinh năm: 10/10/1968

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật, Cử nhân Kinh tế

- Kinh nghiệm công tác:

+ Từ 06/1995: làm việc tại Phòng Tổ chức - Lao động, Tổng công ty;

+ Từ 01/2003 - 05/2007: Phó Chánh Văn phòng Tổng công ty;

+ Từ 06/2007 - 08/2010: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc thứ nhất Công ty Liên doanh Sản xuất Thép Vinausteel;

+ Từ 08/2010 - 08/2012: Tổng Giám đốc Công ty Liên doanh Sản xuất Thép Vinausteel;

+ Từ 08/2012 - 12/2013: Phó Chánh Văn phòng, Chánh Văn phòng Tổng công ty;

+ Từ 01/2014 - 04/2016: Trưởng Ban Tổ chức - Nhân sự Tổng công ty;

+ Từ 05/2016 - 04/2021: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tôn mạ Vnsteel Thăng Long;

+ Từ 04/2021 - nay: Phó Tổng giám đốc, Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP.

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành:

Số cổ phần do cá nhân sở hữu: 10.000 cổ phần.

2.1.4. Ông Nguyễn Phú Dương - Phó Tổng giám đốc

- Sinh năm: 13/9/1977.

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác mỏ; Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.

- Kinh nghiệm công tác:

+ Từ 11/1999 - 11/2001: Lao động hợp đồng, phụ trách công tác an toàn, Phòng Kỹ thuật - An toàn, Xí nghiệp Khai thác khoáng sản - Công ty Đông Bắc;

+ Từ 12/2001 - 11/2004: CNVQP, phụ trách an toàn, Phòng Kỹ thuật - An toàn, Xí nghiệp Khai thác khoáng sản, Công ty Đông Bắc;

+ Từ 12/2004 - 10/2005: Phó Trưởng Phòng Kỹ thuật - An toàn, Công ty Đông Bắc; Thiếu úy QNCN;

+ Từ 11/2005 - 3/2007: Trưởng Phòng Kỹ thuật - An toàn, Xí nghiệp Khai thác khoáng sản - Công ty Đông Bắc;

+ Từ 04/2007 - 12/2010: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Alumin Nhân Cơ – TKV;

+ Từ 01/2011 - 12/2015: Giám đốc Công ty xây lắp – môi trường Nhân Cơ – Vinaconmin;

+ Từ 12/2015 - 09/2020: Phó Giám đốc Công ty Nhôm Đắk Nông -TKV.

+ Từ 09/2020 đến 10/2023: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP; Tổng giám đốc Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung;

+ Từ 10/2023 đến nay: Phó Tổng giám đốc, Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP.

2.1.5. Ông Nguyễn Viết Liêm – Kế toán trưởng

- Sinh năm: 10/10/1971

- Trình độ chuyên môn: Kế toán, Thạc sỹ kinh tế

- Kinh nghiệm công tác:

+ Từ 1996 - 2000: Kế toán bán hàng tại Công ty Thép VSC-POSCO;

+ Từ 2000 – 2003: Kế toán tổng hợp tại Công ty Thép VSC-POSCO;

+ Từ 2003 – 2010: Trợ lý tài chính kiêm kế toán tổng hợp tại Công ty TNHH Thép VSC-POSCO;

+ Từ 2010 - 2021: Kế toán trưởng tại Công ty TNHH Thép VSC-POSCO; từ tháng 01/2021 – tháng 9/2022: kiêm nhiệm Kế toán trưởng tại Công ty TNHH Thép VSC-POSCO;

+ Từ tháng 01/2021 – 06/2021: Phó Trưởng Ban Tài chính Kế toán tại Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP;

+ Từ tháng 07/2021 – 18/11/2021: Phó Trưởng ban, phụ trách Ban Tài chính Kế toán, Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP;

+ Từ 18/11/2021 – 3/2023: Trưởng Ban Tài chính Kế toán, Tổng công Thép Việt Nam-CTCP.

+ Từ 3/2023 - nay: Kế toán trưởng Tổng công Thép Việt Nam-CTCP.

2.2. Những thay đổi trong Hội đồng quản trị:

Thay đổi nhân sự Hội đồng quản trị trong năm 2023:

- Ông Lê Thanh Tuấn – Chủ tịch Hội đồng quản trị (miễn nhiệm ngày 12/5/2023);

- Ông Lê Song Lai – Chủ tịch Hội đồng quản trị (được bầu ngày 12/5/2023);

- Ông Nghiêm Xuân Đa – Thành viên Hội đồng quản trị (được bầu ngày 12/5/2023).

2.3. Những thay đổi trong Ban Điều hành:

- Ông Lê Song Lai – Tổng giám đốc (miễn nhiệm ngày 12/5/2023);

- Ông Nghiêm Xuân Đa – Tổng Giám đốc (được bổ nhiệm ngày 12/5/2023)

- Ông Nguyễn Viết Liêm – Kế toán trưởng (được bổ nhiệm ngày 10/3/2023).

2.4. Số lượng lao động cơ quan Công ty mẹ và các đơn vị trực thuộc, đơn vị sự nghiệp (31/12/2023): 148 người.

2.5. Chính sách về việc làm, tiền lương, tiền thưởng và chế độ phúc lợi

a) Chính sách về việc làm, tiền lương

Trong những năm qua, Tổng công ty luôn nỗ lực nâng cao hiệu quả SXKD để đảm bảo đời sống, việc làm và thu nhập cho người lao động. Năm 2023, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ Tổng công ty có hiệu quả, lợi nhuận đạt và vượt kế hoạch (đã điều chỉnh). Nhờ đó, tiền lương và thu nhập của người lao động được đảm bảo.

- Về phân phối tiền lương đối với người lao động:

Cơ quan Công ty mẹ và các đơn vị trực thuộc đã xây dựng và ban hành quy chế nội bộ về phân phối tiền lương, bảo đảm nguyên tắc dân chủ, công bằng, minh bạch có sự tham gia của tổ chức công đoàn cùng cấp. Người lao động yên tâm công tác, không có thắc mắc, khiếu kiện về phân phối tiền lương.

- Về nâng bậc, nâng ngạch lương đối với người lao động:

Thực hiện nâng bậc lương, nâng ngạch lương theo định kỳ hoặc trước hạn đối với người lao động đủ thời gian và điều kiện theo quy định của Tổng công ty.

b) Chính sách khen thưởng:

- Thực hiện chế độ thưởng từ quỹ lương đối với người lao động có thành tích xuất sắc trong sản xuất kinh doanh;

- Thực hiện chế độ khen thưởng thành tích thi đua theo quy định của Luật Thi đua khen thưởng;

- Thực hiện thưởng sáng kiến tiết kiệm theo Quy chế của Tổng công ty.

c) Chính sách bảo hiểm và phúc lợi:

- Thực hiện các chính sách, chế độ về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đối với người lao động theo quy định hiện hành của Nhà nước. Tổng công ty nộp đủ BHXH, đúng hạn; thanh toán các chế độ BHXH kịp thời khi phát sinh; thực hiện các chế độ bảo hiểm (giải quyết chế độ nghỉ hưu trí, nghỉ ốm đau, nghỉ thai sản...)

Ngoài trách nhiệm đóng các khoản bảo hiểm bắt buộc theo quy định, người lao động trong công ty mẹ Tổng công ty còn được mua bảo hiểm "Tai nạn con người mở rộng quyền lợi điều trị bệnh phát sinh trong quá trình làm việc" và "Bảo hiểm Nhân thọ AVIVA- An tâm Vững nghiệp".

- Thực hiện các chế độ chính sách phúc lợi đối với CBNV: Nghỉ mát, thăm hỏi ốm đau, hiếu hỷ, hỗ trợ cán bộ công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn, chi quà với các cháu là con CBNV vào các dịp tết thiếu nhi, tết trung thu, đạt thành tích tốt trong học tập & rèn luyện đạo đức...

d) Chế độ nghỉ phép, nghỉ lễ tết:

- Bố trí lao động nghỉ phép, nghỉ lễ tết… đúng, đủ ngày, hoặc bố trí nghỉ luân phiên, nghỉ bù, đảm bảo tuân thủ các quy định của Bộ luật Lao động.

2.6. Chính sách tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực

a) Tuyển dụng

Trong công tác tuyển dụng, Tổng công ty luôn chú trọng hướng tới mục tiêu thu hút nhân sự có năng lực, trình độ chuyên môn kỹ thuật, tay nghề cao vào làm việc lâu dài tại Tổng công ty.

Việc tuyển dụng lao động được thực hiện theo Quy chế quản lý và tuyển dụng lao động của Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP, đảm bảo đáp ứng nhu cầu về lao động, phục vụ công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty đạt hiệu quả.

b) Đào tạo

Tất cả CBCNV Tổng công ty đều có quyền và nghĩa vụ tham gia các khoá đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao trình độ, xây dựng tác phong, ý thức làm việc tự giác, chuyên nghiệp; luôn sẵn sàng và chủ động cao trong công việc.

Tổng công ty chú trọng xây dựng nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, hợp lý về cơ cấu, có khả năng tiếp cận với các phương pháp, kỹ năng quản lý tiên tiến; xây dựng và phát triển đội ngũ chuyên gia giỏi trong một số lĩnh vực then chốt, ưu tiên đào tạo nguồn nhân sự cấp cao.

Tổng công ty hỗ trợ, tạo điều kiện để người lao động được tham gia các khóa đào tạo phù hợp ở trong nước và nước ngoài, nhằm đáp ứng yêu cầu công việc hiện tại cũng như trong tương lai của Tổng công ty, đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực trình độ cao, phù hợp với chiến lược phát triển của Tổng công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án đầu tư

3.1. Các dự án đầu tư

Năm 2023, tỷ lệ giải ngân các dự án đầu tư trong toàn hệ thống Tổng công ty chỉ đạt 6% so với kế hoạch, tương ứng số tiền 22,75 tỷ đồng. Giá trị giải ngân đạt thấp do tại một số đơn vị có các dự án nhóm B đăng ký giải ngân trong năm 2023 nhưng chỉ dừng ở khâu chuẩn bị đầu tư, xin chấp thuận chủ trương đầu tư tại địa phương. Ngoài ra, do thị trường thép gặp rất nhiều khó khăn nên các đơn vị đã chủ động dãn, tạm từng đầu tư để giảm bớt áp lực tài chính.

Tình hình thực hiện các dự án lớn cụ thể như sau:

a) Đối với dự án nhóm A – Dự án mở rộng sản xuất giai đoạn 2 Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên (TISCO) do Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên làm chủ đầu tư: Tiếp tục triển khai các nội dung công việc theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo, Uỷ ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp và SCIC. Trong năm 2023, VNS đã phối hợp với bộ phận đại diện vốn của VNSTEEL tại TISCO hoàn tất Báo cáo về phương án xử lý Dự án TISCO 2 theo chỉ đạo của Chính phủ tại Thông báo số 116/TB-VPCP ngày 18/7/2023 của Văn phòng Chính phủ về kết luận cuộc họp ngày 11/7/2023 của Thường trực Chính phủ.

b) Đối với các dự án nhóm B (thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư): có 02 Dự án do Tisco làm chủ đầu tư đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận đầu tư. Một số dự án khác trong giai đoạn xin cấp giấy chứng nhận đầu tư nhưng không được chấp thuận do chính quyền địa phương có chủ trương tạm dừng thu hút đầu tư đối với dự án sản xuất thép.

c) Đối với các dự án phải di dời nhà máy theo quy hoạch của địa phương: Trong năm 2023, Tổng công ty đã chỉ đạo bộ phận đại diện vốn tại Công ty cổ phần Thép Thủ Đức và Vicasa tiếp tục tìm kiếm địa điểm, xây dựng phương án di dời.

d) Các dự án nhóm C: Theo kế hoạch, có 18 dự án nhóm C được đăng ký triển khai trong năm 2023, trong đó có 05 dự án hoàn thành đưa vào hoạt động và 04 dự án dừng thực hiện, còn lại chuyển tiếp sang 2024 để giải ngân.

3.2. Đánh giá hiệu quả đầu tư vốn của Tổng công ty tại các công ty con, Công ty liên kết

a) Về chỉ tiêu lợi nhuận thực hiện:

Tổng lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2023 của các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tổng công ty: lỗ 1.184 tỷ đồng, trong đó:

- 7/14 công ty con và 6/17 công ty liên kết đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch. Cụ thể:

STT	Tên công ty	Năm 2023		
		KH LN 2023	LNTT	LNTT/KH
Công ty con				
1	Công ty TNHH Thép Miền Nam	50.000	61.574	123%
2	Công ty TNHH Thép tấm lá Phú Mỹ	35.000	20.665	59%
3	Công ty VMSC	50	58	115%
4	Tôn mạ Vnsteel Thăng Long	18.000	27.561	153%
5	Công ty cổ phần Mạ kẽm Vingal	20.000	22.161	111%
6	Công ty cổ phần Kim khí TP Hồ Chí Minh	25.000	25.846	103%
7	Công ty cổ phần Kim khí Hà Nội	7.000	15.021	215%
Công ty liên doanh, liên kết				
1	Công ty cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất	1.000	4.626	463%
2	Công ty Tôn Phương Nam	50.000	56.827	114%
3	Công ty Dịch vụ Gia công thép Sài Gòn	35.000	46.089	132%
4	Công ty cơ khí Việt Nhật	20.807	20.823	100%
5	Công ty Trung tâm Quốc tế-IBC	173.000	182.338	105%
6	Công ty Kim khí Miền Trung	12.000	14.000	117%

- Các công ty mặc dù không hoàn thành kế hoạch nhưng vẫn có lợi nhuận bao gồm:

STT	Tên công ty	Năm 2023		
		KH LN 2023	LNTT	LNTT/KH
Công ty con				
1	Công ty cổ phần thép Nhà Bè	7.000	2.818	40%
2	Công ty cổ phần thép Thủ Đức	15.000	10.910	73%
3	Công ty cổ phần thép Vicasa	12.000	8.942	75%
4	Công ty Giao Nhận Kho Vận Vinatrans	38.000	20.063	53%
Công ty liên doanh, liên kết				
1	Công ty cổ phần thép Đà Nẵng	10.000	3.472	35%
2	Công ty TNHH NatSteelVina	8.000	2.223	28%
3	Công ty Vinausteel (thép Việt Úc)	50.160	13.931	28%
4	Công ty cổ phần Lưới Thép Bình Tây	4.000	2.609	65%
5	Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện Kim	10.000	6.651	67%

- Các công ty bị thua lỗ trong năm 2023:

Đv tính: triệu đồng

STT	Tên công ty	Năm 2023	
		KH LN 2023	LNTT
Công ty con			

1	Công ty MDC	-	(138)
2	Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên	39.000	(176.621)
3	Công ty cổ phần Thép tấm Miền Nam		(123)
Công ty liên doanh, liên kết			
1	Công ty VTM	-	(686.450)
2	Công ty TNHH Thép Vina Kyoei	80.000	(699.727)
3	Công ty TNHH ống thép Việt Nam VINAPIPE	5.000	(10.812)
4	Công ty TNHH NIPPOVINA	1.000	(11.040)
5	Công ty cổ phần RedstarCera	14.000	(33.381)
Các khoản đầu tư khác			
1	Công ty TNHH Ống thép hàn xoắn Nippon Steel	-	(110.910)
2	Công ty cổ phần Sắt Thạch Khê	-	(1.386)
3	Công ty Cảng quốc tế Thị Vải	-	(23.460)

- Ngoài ra, còn một số đơn vị đang trong quá trình giải thể: Công ty Cổ phần Thép Tấm Miền Nam, Công ty Cổ phần Tân Thành Mỹ.

b) Về hiệu quả đạt được tính trên vốn đầu tư:

Năm 2023, mặc dù tình hình sản xuất kinh doanh đã bước đầu có sự cải thiện so với năm 2022, tuy nhiên nhiều đơn vị trong hệ thống của Tổng Công ty vẫn gặp khó khăn, cụ thể:

- Nhóm các đơn vị có tỷ suất lợi nhuận tương đối cao:

Đây là nhóm có đơn vị có hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, có hiệu quả, có tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) trên 15%, bao gồm: IBC (ROE đạt 23%), Công ty Dịch vụ và Gia công thép SG (ROE đạt 18%), Công ty Vingal (ROE đạt 15%).

- Nhóm các đơn vị có tỷ suất lợi nhuận khá, tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) tren 5% bao gồm 12 công ty: Thép Tấm lá Thống Nhất (ROE đạt 12%), Thép Miền Nam (ROE đạt 6%); Tôn Thăng Long (ROE đạt 5%); KKHN (ROE đạt 11%); Vinatrans (ROE đạt 7%); Tôn Phương Nam (ROE đạt 5%); Lưới Thép Bình Tây (ROE đạt 7%); Sadakim (ROE đạt 12%); VJE (ROE đạt 8%), KK Miền Trung (ROE đạt 7%), Việt Úc (ROE đạt 5%); Công ty Kim khí HCM (ROE đạt 5%),

- Nhóm các đơn vị có tỷ suất lợi nhuận thấp dưới 5% gồm 8/31 công ty: Thép Tấm lá Phú Mỹ (ROE: 2%), VMSC (ROE: 0,6%), Thép Nhà Bè (ROE: 1%), Thép Thủ Đức (ROE: 3%), Vicasa (ROE: 4%), Thép Đà Nẵng (ROE đạt 2%); Nasteelvina (ROE: 0,4%).

c) Về tình hình bảo toàn vốn đầu tư tại các doanh nghiệp:

Trong năm 2023, vẫn còn một số Công ty phát sinh lỗ lũy kế hoặc có nợ khó đòi, cụ thể:

- Có 10 Công ty có lỗ lũy kế bao gồm: Công ty TNHH MTV MDC-VNSTEEL, Công ty CP Thép Tấm Miền Nam, Công ty CP Thép Tấm Lá Thống Nhất, Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung, Công ty TNHH Ống thép Việt Nam,

Công ty TNHH NatsteelVina, Công ty TNHH Nippovina, Công ty CP Thép Đà Nẵng, Công ty TNHH Ống thép Hàn Xoắn Nippon Steel Việt Nam, Công ty CP Sắt Thạch Khê.

- Các công ty có công nợ khó đòi trên 10 tỷ đồng tại ngày 31/12/2023 bao gồm: Công ty CP Gang thép Thái Nguyên (549,1 tỷ đồng), Công ty CP Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL (58,3 tỷ đồng), Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội – VNSTEEL (47,5 tỷ đồng), Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung (23,1 tỷ đồng), Công ty TNHH Natsteelvina (21,4 tỷ đồng), Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ (20,4 tỷ đồng), Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam (11,3 tỷ đồng)

- Danh sách các công ty phải giám sát tài chính đặc biệt tại ngày 31/12/2023 bao gồm: Công ty CP Thép Tấm Miền Nam, Công ty CP Gang thép Thái Nguyên, Công ty TNHH Tư vấn MDC-VNSTEEL, Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung, Công ty CP Thép Tấm Lá Thống Nhất, Công ty CP Tân Thành Mỹ, Công ty CP Kim khí Miền Trung, Công ty Liên doanh Sản xuất Thép Vinausteel, Công ty TNHH Ống thép Việt Nam, Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam-Vnsteel.

4. Tình hình tài chính (hợp nhất)

4.1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	Tăng/giảm	% tăng giảm
Tổng tài sản	23.345.740.952.154	23.234.250.577.345	111.490.374.809	0,48%
Doanh thu thuần	30.305.110.321.037	38.492.155.646.776	(8.187.045.325.739)	-21,27%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(292.917.146.009)	(752.661.405.121)	459.744.259.112	-61,08%
Lợi nhuận khác	41.126.132.944	31.689.187.402	9.436.945.542	29,78%
Lợi nhuận trước thuế	(251.791.013.065)	(720.972.217.719)	469.181.204.654	-65,08%
Lợi nhuận sau thuế	(288.277.025.925)	(758.295.050.072)	470.018.024.147	-61,98%

Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ hợp nhất của Tổng công ty năm 2023 đạt 30.305 tỷ đồng, giảm 8.187 tỷ đồng (tương đương mức giảm 21,27%) so với năm 2022. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất năm 2022 lỗ 251,8 tỷ đồng, giảm lỗ 469,2 tỷ đồng so với năm 2022.

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	0,98	0,98
+ Hệ số thanh toán nhanh:	0,61	0,53
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,60	0,57
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,52	1,35
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho	6,69	6,49

Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,30	1,66
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-0,95%	-1,97%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-3,11%	-7,67%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-1,23%	-3,26%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-0,97%	-1,96%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính Công ty mẹ - Tổng công ty năm 2023 (đã được kiểm toán) đã được công bố thông tin trên website của Tổng công ty tại địa chỉ: www.vnsteel.vn

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Vốn điều lệ : 6.780.000.000.000 đồng
- Cổ phiếu lưu hành : 678.000.000 cổ phiếu
- Cổ phiếu quỹ : 0 cổ phiếu
- Cơ cấu vốn cổ phần *(tại thời điểm ngày 31/12/2023)*

Cổ đông	Số cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ
I. Cổ đông tổ chức			
1. Trong nước	16	647.892.734	95,559%
2. Nước ngoài	0	0	0,0%
II. Cổ đông cá nhân			
1. Trong nước	9.625	29.554.466	4,359%
2. Nước ngoài	10	552.800	0,082%
Tổng số	**9.651**	**678.000.000**	**100%**

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Công ty mẹ Tổng công ty thực hiện chức năng quản lý phần vốn của Tổng công ty tại các đơn vị trực thuộc, công ty con, công ty liên kết nên không trực tiếp sản xuất, kinh doanh. Do vậy không có số liệu thống kê về nguyên vật liệu của công ty mẹ Tổng công ty.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

Tổng lượng điện tiêu thụ trong năm 2023 tại Công ty mẹ Tổng công ty là: 280.900 KW.

6.3. Tiêu thụ nước:

Tổng lượng nước tiêu thụ trong năm 2023 tại Công ty mẹ Tổng công ty là: 2.296 m^3.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

b) Tổng số tiền bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động: tham chiếu tại mục 2.4 đến 2.6

6.6. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công tác an sinh xã hội (ASXH) luôn là một trong những nhiệm vụ trọng tâm được quan tâm thực hiện. Tổng công ty và các đơn vị trong hệ thống đã chủ động tham gia tích cực vào các hoạt động vì cộng đồng, đóng góp vào công tác ASXH ở các địa phương, đặc biệt ở những địa phương nơi có trụ sở các đơn vị trú đóng. Việc tích cực và tự nguyên tham gia các chương trình ASXH thể hiện trách nhiệm của mỗi đơn vị cũng như trách nhiệm của Tổng công ty đối với cộng đồng xã hội. Chính vì vậy, hàng năm Tổng công ty luôn dành một phần kinh phí để tham gia các hoạt động vì cộng đồng, qua đó đóng góp một phần vào công tác an sinh chung của toàn xã hội.

Năm 2023, Tổng công ty tiếp tục duy trì và tích cực tham gia thực hiện nhiều hoạt động ASXH thiết thực, đặc biệt là hoạt động hỗ trợ cho công tác xây dựng nhà ở, trao quà nhân dịp tết Nguyên đán, ngày Thương binh liệt sỹ đối với các gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, các gia đình chính sách tại các đơn vị trong hệ thống Tổng công ty, các địa phương có đơn vị của Tổng công ty trú đóng trên địa bàn.

III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2023, kinh tế toàn cầu phục hồi chậm, áp lực lạm phát tuy đã hạ nhiệt nhưng vẫn ở mức cao, nhu cầu tiêu dùng và các hoạt động kinh tế tiếp tục suy giảm. Trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế, thương mại toàn cầu thấp, thị trường thép năm 2023 tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức khi nhu cầu tiêu dùng thép rất yếu ở hầu hết các khu vực trên thế giới. Theo số liệu của Hiệp hội Thép Thế giới (WSA), nhu cầu thép thành phẩm toàn cầu năm 2023 chỉ khoảng 1.814,5 triệu tấn, tăng 1,8% so với năm 2022 (sau khi đã giảm 3,3% trong năm 2022). Do nhu cầu yếu, giá bình quân của hầu hết các mặt hàng thép thị trường thế giới năm 2023 đều giảm từ 12-19% so với năm 2022.

Ngành thép Việt Nam cũng chịu tác động trực tiếp từ suy giảm tăng trưởng kinh tế toàn cầu, biến động thị trường thép thế giới và điều chỉnh chính sách của các nền

kinh tế lớn. Nhu cầu thị trường thấp, sức mua yếu, giá thép thành phẩm giảm mạnh là những nhân tố chính cản trở doanh nghiệp thép phục hồi trong năm 2023.

Trong bối cảnh thị trường thép diễn biến bất lợi, Tổng công ty đã khẩn trương chỉ đạo, điều hành quyết liệt nhằm tháo gỡ khó khăn cho các đơn vị, tích cực triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm nỗ lực cải thiện và nâng cao hiệu quả kinh doanh. Tuy nhiên, việc sản lượng và hiệu quả tại nhiều đơn vị bị giảm sút đã ảnh hưởng lớn đến kết quả kinh doanh chung của toàn hệ thống Tổng công ty.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình quản lý tiền mặt: Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm 31/12/2023 là 1.351 tỷ đồng, chiếm 6% tổng tài sản, giảm 136,2 tỷ so với cùng kỳ năm trước, trong đó tiền gửi có kỳ hạn là 831,9 tỷ đồng.

2.2. Tình hình công nợ phải thu: Các khoản phải thu khách hàng tại thời điểm 31/12/2023 là 3.444 tỷ đồng, trong đó số trích lập dự phòng là 592,4 tỷ đồng.

2.3. Hoạt động thoái vốn đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

Trong năm 2023 hoạt động thoái vốn của Tổng công ty không đạt kế hoạch do một số đơn vị có tỷ lệ vốn góp của Tổng công ty đạt thấp, một số đơn vị hoạt động không hiệu quả, bối cảnh thị trường không thuận lợi do trong thời gian qua thị trường thép diễn biến theo chiều hướng xấu và dự báo sẽ tiếp tục xu hướng này trong thời gian sắp tới, kéo dài ít nhất cho đến giữa năm 2024. Trước tình hình đó, nhiều doanh nghiệp đã buộc phải tiết giảm sản xuất, hoặc thậm chí ngừng sản xuất. Do vậy, không có nhà đầu tư quan tâm đến việc mua cổ phần của các đơn vị sản xuất thép.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

3.1. Trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư

a)Tổng công ty đã giao quyền tự chủ cho các đơn vị, gắn trách nhiệm với hiệu quả cuối cùng. Đồng thời, thông qua các đại diện vốn để tăng cường công tác quản trị, điều hành, hỗ trợ các đơn vị trong cung cấp nguyên vật liệu đầu vào, tiêu thụ sản phẩm đầu ra; điều phối kế hoạch sản xuất kinh doanh giữa các đơn vị nhằm tận dụng tối đa nguồn lực của từng đơn vị; tăng cường phối hợp giữa các đơn vị nhằm phát huy sức mạnh hệ thống.

b) Tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát hoạt động của các công ty con, công ty liên kết trong công tác quản trị, tài chính, đầu tư, quản lý chất lượng sản phẩm; kịp thời đề xuất các giải pháp, xử lý các vi phạm theo quy định tại Quy chế giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai tài chính của Tổng công ty.

c) Tăng cường công tác quản lý công nợ, thường xuyên có văn bản yêu cầu đơn vị báo cáo các biến động phát sinh công nợ phải thu tại đơn vị, kịp thời chấn chỉnh các trường hợp phát sinh nợ phải thu đột biến, kéo dài nhằm hạn chế tối đa nợ khó đòi.

d) Công tác quản lý vốn và tài sản trong năm 2023 nhìn chung đạt hiệu quả tốt hơn, đảm bảo thanh toán đúng hạn các khoản nợ vay ngân hàng, không phát sinh nợ

khó đòi và nợ phải trả quá hạn. Các chỉ số khả năng thanh toán nợ chung và khả năng thanh toán nợ đến hạn của Tổng công ty đều trong phạm vi an toàn.

3.2. Trong công tác tái cấu trúc, thoái vốn, đổi mới doanh nghiệp

3.2.1. Tái cơ cấu về tổ chức trong hệ thống và quản trị Tổng công ty:

a) Nghiên cứu, tổ chức lại một số phòng ban nghiệp vụ Tổng công ty theo chỉ đạo của Đảng ủy Khối DNTW.

b) Về quản trị:

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế của Tổng công ty;

- Thực hiện luân chuyển, cử các đại diện vốn của Tổng công ty tại các công ty con, công ty liên kết.

3.2.2. Thoái vốn tại Công ty con, công ty liên kết:

Tổng công ty đã hoàn thành việc mua lại phần vốn của đối tác tại Công ty Thép Việt Úc.

3.3. Các vướng mắc liên quan đến công tác quyết toán cổ phần hóa Tổng công ty

Do thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần của Tổng công ty diễn ra trong giai đoạn chuyển tiếp giữa Nghị định 109/NĐ-CP và Nghị định 59/NĐ-CP, đồng thời do có những thay đổi về hiện trạng đất của Tổng công ty dẫn tới phát sinh những vướng mắc trong việc xử lý các tồn tại về đất đai khi cổ phần hóa (liên quan đến việc xác định giá trị lợi thế vị trí địa lý và giá trị quyền sử dụng đất khi bàn giao từ doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần). Đối với các vướng mắc liên quan đến công tác quyết toán cổ phần hóa, Tổng công ty đã có nhiều văn bản và nhiều lần làm việc với các cấp thẩm quyền, song những vướng mắc trên vẫn chưa được giải quyết dứt điểm.

Đến ngày 10/3/2023, Tổng công ty đã trình bộ hồ sơ quyết toán cổ phần hóa được đơn vị tư vấn độc lập xây dựng, rà soát để Bộ Công thương xem xét, quyết định. Tuy nhiên, đến thời điểm này, do nhiều lý do khách quan, công tác quyết toán cổ phần hóa công ty mẹ Tổng công ty vẫn chưa hoàn thành.

3.4. Các công tác khác:

- Tổ chức kiểm tra và đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật và chất lượng sản phẩm tại các đơn vị;

- Chỉ đạo các đơn vị trong hệ thống Tổng công ty tăng cường công tác kiểm tra việc chấp hành quy trình, quy phạm trong sản xuất, nơi làm việc, thực hiện tốt các quy định của nhà nước về đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường;

- Tổ chức kiểm tra việc thành lập, kiện toàn và triển khai hoạt động của các Ban chỉ đạo Phòng chống tham nhũng tại các công ty, đơn vị trong hệ thống gắn với nhiệm vụ được phân công cho từng thành viên;

- Tiến hành rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định của Tổng công ty phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành.

4. Kế hoạch SXKD năm 2024

4.1. Mục tiêu kế hoạch tổng thể

Nhận định thị trường năm 2024 tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, Tổng công ty đã xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 với mục tiêu chặn đà giảm sút sản lượng và thị phần để duy trì hoạt động bền vững, các mục tiêu sản xuất kinh doanh phải có tính phấn đấu và tăng trưởng so với kết quả thực hiện của năm trước.

4.2. Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh chủ yếu năm 2024

- Tổng doanh thu theo BCTC hợp nhất : 31.500 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế theo BCTC hợp nhất : 120 tỷ đồng
- Tổng doanh thu theo BCTC riêng : 2.341 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế theo BCTC riêng : 15 tỷ đồng

5. Giải trình ý kiến ngoại trừ của kiểm toán độc lập trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023

5.1. Đối với ý kiến liên quan đến Công ty CP Gang Thép Thái Nguyên (TISCO):

Đơn vị kiểm toán AASC đưa ra ý kiến ngoại trừ " không thể xác định được ảnh hưởng đến:

- Giá trị các khoản mục có liên quan đến Dự án Tisco 2 được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty;
- Giá trị chi phí lãi vay được vốn hóa vào Dự án (trình bày tại thuyết minh số 10) kể từ thời điểm Dự án chậm tiến độ;
- Tổn thất có thể có liên quan đến Dự án cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đến các chỉ tiêu khác có liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty."

Dự án mở rộng Gang thép giai đoạn 2 - Công ty Gang thép Thái Nguyên ("***Dự án Tisco 2***") được triển khai từ năm 2007. Việc đầu tư dự án đã kéo dài so với dự kiến ban đầu và hiện vẫn chưa hoàn thành. Hiện tại, Chính phủ và các cơ quan có liên quan đang hết sức nỗ lực để tìm kiếm các giải pháp tháo gỡ khó khăn, xử lý dứt điểm Dự án.

5.2. Đối với ý kiến liên quan đến Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung:

Đơn vị kiểm toán AASC đưa ra ý kiến ngoại trừ "*không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết đối với giá trị của khoản đầu tư vào VTM và các ảnh hưởng nếu*

có đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Tổng Công ty".

Theo Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty năm 2023, giá trị đầu tư được xác định theo phương pháp vốn chủ sở hữu của khoản đầu tư vào Công ty TNHH Khoáng sản Luyện kim Việt Trung (sau đây gọi tắt là "VTM") tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 0 tỷ VND, tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 192,27 tỷ VND. Giấy phép khai thác của VTM tại mỏ Quý Sa, xã Sơn Thủy, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai đã hết hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2020. Tính đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, Báo cáo tài chính năm 2023 được kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập của VTM chưa được phát hành. Dựa trên các thông tin hiện có, chưa thể xác định được các điều chỉnh cần thiết đối với giá trị của khoản đầu tư vào VTM và ảnh hưởng của vấn đề này đến các chỉ tiêu khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

5.3. Đối với ý kiến liên quan đến Công ty CP Sắt Thạch Khê:

Đơn vị kiểm toán AASC đưa ra ý kiến kiểm ngoại trừ "*không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết đối với giá trị dự phòng của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sắt Thạch Khê và ảnh hưởng của vấn đề này đến các chỉ tiêu khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty*".

Dự án này đã được khởi công từ năm 2009. Tuy nhiên, do nhiều vướng mắc về kỹ thuật, môi trường chưa được giải quyết nên đến thời điểm hiện tại, dự án mới chỉ dừng lại ở hạng mục bốc dỡ đất đá tầng phủ (đã thực hiện từ 2009).

Theo Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty, giá gốc của khoản đầu tư và giá trị dự phòng đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sắt Thạch Khê tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 lần lượt là 274,24 tỷ VND và 3,16 tỷ VND, tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 lần lượt là 274,24 tỷ VND và 10,73 tỷ VND. Hiện nay, Công ty Cổ phần Sắt Thạch Khê đang trong giai đoạn tạm dừng hoạt động chờ quyết định của Chính phủ để xem xét chủ trương tiếp tục triển khai dự án Mỏ sắt Thạch Khê.

5.4. Đối với ý kiến liên quan đến việc quyết toán cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty:

Đơn vị kiểm toán AASC đưa ra ý kiến kiểm ngoại trừ về việc "*chưa thể xác định được những điều chỉnh cần thiết đối với các khoản mục có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty.*"

Tổng công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/10/2011 và đã hoàn thành hồ sơ quyết toán cổ phần hóa trình Bộ Công thương thẩm định. Đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất, Bộ Công thương và các cơ

quan nhà nước có liên quan đang trong quá trình thẩm định nhưng chưa có quyết định cuối cùng về việc quyết toán cổ phần hóa Tổng công ty.

5.5. Đối với ý kiến liên quan đến Công ty CP Gang Thép Thái Nguyên (TISCO):

Đơn vị kiểm toán AASC đưa ra ý kiến kiểm ngoại trừ: "*không thể xác định được ảnh hưởng của việc chưa thực hiện điều chỉnh BCT theo số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được phê duyệt đến chỉ tiêu "Dự phòng phải trả dài hạn" và các chỉ tiêu khác có liên quan được trình bày trên BCTC hợp nhất của Tổng công ty*".

Trong năm 2022, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã có quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với một số mỏ than do Công ty quản lý với tổng số tiền 65.262.703.000 đồng, cụ thể như sau:

- Quyết định số 1686/QĐ-BTNMT ngày 29 tháng 09 năm 2022 về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với mỏ than Bắc Làng Cẩm (khu Âm Hồn), xã Phụ Linh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên cho trữ lượng đã khai thác giai đoạn từ 01/01/20214 đến 31/05/2022 với số tiền phải nộp tính theo giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại thời điểm phê duyệt là 21.153.783.000 VND.

- Quyết định số 2707/QĐ-BTNMT ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với Dự án khai thác hầm lò Cánh Chìm - mỏ than Phấn Mễ, thị trấn Giang Tiên, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

+ Khu vực Phấn Mễ (Cánh Chìm và Đồi 75) xác định cho trữ lượng đã khai thác từ 01/01/2014 đến 31/05/2022 và trữ lượng than mỡ còn lại tính từ ngày 01/06/2022 đối với Dự án khai thác hầm lò Cánh Chìm - mỏ than Phấn Mễ;

+ Khu vực Nam Làng Cẩm xác định cho trữ lượng đã khai thác từ 01/01/2014 đến 31/05/2022;

+ Tổng số tiền phải nộp tính theo giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại thời điểm phê duyệt là 44.108.920.000 VND.

Công ty chưa thực hiện điều chỉnh các chỉ tiêu có liên quan trên Báo cáo tài chính theo số liệu được phê duyệt nêu trên do chưa xác định được số tiền cần điều chỉnh cho từng khu vực.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023:

1.1. Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ các quyền hạn, trách nhiệm theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị căn cứ nhiệm vụ được phân công phụ trách đã lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát các lĩnh vực công tác; thẩm định các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và ban hành các nghị quyết, quyết định; đôn đốc kịp thời hoạt động của Ban Điều hành, qua đó triển khai quyết liệt các giải pháp tháo gỡ khó khăn để đảm bảo duy trì hoạt động SXKD ổn định, tạo việc làm và đảm bảo thu nhập cho người lao động.

- Hoạt động của Hội đồng quản trị luôn bám sát tình hình thực tế của Tổng công ty, hỗ trợ hoạt động điều hành của Ban Điều hành. Năm 2023, Hội đồng quản trị duy trì chế độ họp theo đúng Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị và Điều lệ của Tổng công ty. Hội đồng quản trị đã tổ chức nhiều cuộc họp bằng nhiều hình thức, trong đó có 04 cuộc họp định kỳ hàng quý nhằm rà soát, đánh giá kết quả hoạt động của Ban Điều hành, đồng thời trao đổi, bàn bạc, thông qua các chủ trương, phương hướng, nhiệm vụ để giao Ban Điều hành thực hiện ở các quý tiếp theo. Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được ban hành kịp thời, đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty. Trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã ban hành 130 Nghị quyết, 88 Quyết định, 75 báo cáo và 3 thông báo kết luận cuộc họp liên quan đến các hoạt động của Tổng công ty. Thông qua các cuộc họp Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị đã tích cực tham gia vào những hoạt động quan trọng của Tổng công ty và đã đưa ra những quyết định về chủ trương, phương hướng trên các lĩnh vực SXKD, tài chính, đầu tư, tái cơ cấu Tổng công ty trong năm 2023.

- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo rà soát các Quy chế quản trị nội bộ của Tổng công ty, để đảm bảo phù hợp với yêu cầu quản lý của cấp trên.

- Các thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia một số cuộc họp giao ban của Ban Điều hành để nắm tình hình, tìm hiểu những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong hoạt động SXKD, kịp thời phối hợp với Ban điều hành tìm giải pháp tháo gỡ. Chỉ đạo công tác đánh giá, phân tích kết quả SXKD các quý trong năm 2023 để có các giải pháp tích cực, chủ động thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông năm 2023 giao.

- Thông qua Ban Điều hành để chỉ đạo các đơn vị trong hệ thống: tập trung SXKD, phát huy tối đa công suất máy móc, trang thiết bị và năng lực sản xuất; đảm bảo chất lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí, giảm giá thành; đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường. Chỉ đạo và kiểm soát việc phối hợp giữa các đơn vị trong hệ thống trong việc ưu tiên sử dụng sản phẩm và dịch vụ của nhau trên nguyên tắc thị trường. Chỉ đạo quyết liệt công tác quản lý, thu hồi công nợ, đặc biệt là nợ khó đòi, quản lý tồn kho tại các đơn vị trong hệ thống Tổng công ty.

Mặc dù tình hình sản SXKD còn gặp nhiều khó khăn trong năm 2023, song với tinh thần trách nhiệm cao, Hội đồng quản trị đã có nhiều cố gắng, nỗ lực để lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt Tổng công ty nỗ lực hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

- Việc xử lý dự án Tisco 2 và tháo gỡ khó khăn cho hoạt động SXKD của Công ty Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung:

+ Nhận thức rõ tầm quan trọng của việc khẩn trương xử lý dứt điểm các tồn tại, vướng mắc đối với Dự án Tisco 2 và Dự án Công ty Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung là điều kiện tiên quyết để duy trì sự tồn tại và phát triển của Tổng công ty, trên cơ sở bám sát các ý kiến chỉ đạo của Chính phủ, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp và Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC), liên tục trong 3 năm qua, đặc biệt trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã tập trung mọi nguồn lực để lãnh đạo, chỉ đạo tháo gỡ khó khăn cho dự án này; đồng thời, xác định đây một trong những vụ chính trị trọng tâm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của toàn Tổng công ty.

+ Thông qua bộ phận đại diện vốn tại Công ty CP Gang thép Thái Nguyên và Công ty Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung, Hội đồng quản trị đã quán triệt và cụ thể hoá các ý kiến chỉ đạo của cấp có thẩm quyền tại từng thời điểm để quyết liệt chỉ đạo Ban Tổng giám đốc xây dựng và tổ chức thực hiện nhiều phương án xử lý linh hoạt, những giải pháp khả thi, tối ưu.

Tuy nhiên, mặc dù, đã có nhiều nỗ lực, cố gắng và bước đầu đạt được một số kết quả tích cực, đối chiếu với các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra, đến thời điểm hiện tại, nhiều khó khăn, vướng mắc của 02 dự án - doanh nghiệp nói trên vẫn chưa được giải quyết triệt để, một số nội dung vượt ngoài thẩm quyền của Tổng công ty và các đơn vị đòi hỏi phải báo cáo các cấp có thẩm quyền xem xét chỉ đạo,…

- Công tác tổ chức Đại hội cổ đông thường niên/bất thường:

+ Tổ chức thành công Đại hội đông cổ đông thường niên năm 2023, bầu bổ sung 01 thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2026, bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị; điều chỉnh phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị.

+ Tổ chức thành công Đại hội cổ đông bất thường năm 2023 để thông qua nội dung lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc điều chỉnh Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP.

+ Chỉ đạo Ban Điều hành tập trung thực hiện Nghị quyết 119/NQ-VNS ngày 21/11/2023 của Đại hội cổ đông bất thường qua đó, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao tại Nghị quyết số 63/NQ-VNS ngày 12/5/2023 và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị Tổng công ty.

- Việc công bố thông tin đảm bảo tính chính xác, kịp thời và tuân thủ quy định.

Nhìn chung, Hội đồng quản trị đã thực hiện nhiệm vụ của mình một cách quyết liệt, tập trung hoạch định chiến lược, đưa ra các quyết định chính xác, kịp thời để chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng cường giám sát hoạt động của Ban Điều hành, đảm bảo cân đối hài hòa lợi ích của Tổng công ty, của các cổ đông cũng như

quyền lợi của người lao động, đặt nền móng vững chắc cho sự phát triển bền vững của Tổng công ty.

1.2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Điều hành:

- Trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã tích cực thực hiện việc giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý trong điều hành SXKD của Tổng công ty thông qua việc ban hành các Nghị quyết, quyết định và ý kiến chỉ đạo tại các cuộc họp giao ban định kỳ; đồng thời, thực hiện việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Điều hành trong việc thực hiện các văn bản chỉ đạo do Hội đồng quản trị ban hành.

- Ban Điều hành Tổng công ty đã chủ động, linh hoạt bám sát các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, có các giải pháp hợp lý trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành; tập trung chỉ đạo thực hiện đồng bộ các giải pháp về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên tất cả các lĩnh vực với từng mục tiêu cụ thể; bám sát, tập trung chỉ đạo và tháo gỡ khó khăn đối với các dự án đầu tư trọng điểm của Tổng công ty.

- Năm 2023, mặc dù tình hình SXKD của Tổng công ty còn gặp nhiều khó khăn, song với tinh thần trách nhiệm cao, Ban Điều hành đã có nhiều cố gắng, nỗ lực để lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt Tổng công ty thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Đánh giá thực hiện trách nhiệm của Hội đồng quản trị

2.1. Ưu điểm

- Chấp hành nghiêm chính sách, pháp luật của Nhà nước, triển khai đầy đủ các chỉ đạo của chủ sở hữu về quản lý doanh nghiệp. Thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn, ý kiến chỉ đạo của SCIC, đảm bảo Tổng công ty được vận hành theo đúng mục tiêu, định hướng của Nhà nước, bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước tại doanh nghiệp.

- Hội đồng quản trị và bộ máy điều hành đã xây dựng hệ thống các quy chế quản trị và các quy định quản lý nội bộ phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và triển khai thực hiện nền nếp và có hiệu quả trong Tổng công ty.

- Tổng công ty đã triển khai đồng bộ các giải pháp của năm 2023, nỗ lực phấn đấu vượt qua khó khăn thử thách để thực hiện các chỉ tiêu Đại hội Đồng cổ đông năm 2023 giao.

- Tập thể Hội đồng quản trị luôn duy trì và phát huy tinh thần đoàn kết, thống nhất. Các nội dung xin ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị đều được trao đổi, thảo luận thẳng thắn và cùng hướng tới một mục đích đó là vì sự ổn định và phát triển bền vững của Tổng công ty.

- Hội đồng quản trị đã phối hợp tốt với Ban Điều hành và các phòng ban chuyên môn giúp việc của Tổng công ty và các Ban của SCIC để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo đầy đủ, trung thực và đúng thời gian quy định.

- Các thành viên trong Hội đồng quản trị đều thực hiện đầy đủ quyền hạn, nghĩa vụ theo chức năng, nhiệm vụ được quy định.

2.2. Hạn chế

a) Do nhiều nguyên nhân, trong năm 2023, Tổng công ty đã không hoàn thành kế hoạch SXKD đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 phê duyệt, dẫn đến phải điều chỉnh kế hoạch. Tính chung trong cả năm 2023, hầu hết các chỉ tiêu chủ yếu như sản lượng sản xuất và tiêu thụ, doanh thu và lợi nhuận theo báo cáo hợp nhất của Tổng công ty đều không hoàn thành. Chỉ có duy nhất chỉ tiêu lợi nhuận của Công ty mẹ theo báo cáo tài chính riêng là hoàn thành sau khi điều chỉnh kế hoạch. Thực tế này xuất phát từ những nguyên nhân khách quan và chủ quan sau đây:

b) Nguyên nhân khách quan:

+ Trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế chậm lại, thương mại toàn cầu suy giảm, thị trường thép năm 2023 tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức nghiêm trọng do nhu cầu tiêu dùng thép suy yếu và đứng ở mức rất thấp tại hầu hết các khu vực trên thế giới. Mặt khác, chính sách tiền tệ thắt chặt mà nhiều Ngân hàng trung ương áp dụng trong năm 2023 để kìm chế lạm phát đã tác động mạnh tới doanh nghiệp và các hoạt động kinh tế, đầu tư, tiêu dùng toàn cầu trong đó có lĩnh vực tiêu thụ thép.

+ Giá bình quân các mặt hàng thép năm 2023 giảm mạnh so với năm 2022 (trung bình giảm 15%) đã khiến cho ngành thép khó có cơ hội cải thiện hiệu quả SXKD. Bên cạnh nhu cầu yếu, việc giảm giá thép liên tục và diễn ra trong suốt thời gian dài còn do tác động tiêu cực từ thị trường thép Trung Quốc khi nền kinh tế của quốc gia này phục hồi chưa bền vững, kéo theo rủi ro hệ thống ngân hàng, nợ công, nợ doanh nghiệp bất động sản gia tăng. Các thị trường xuất khẩu truyền thống của Việt Nam cũng chứng kiến sự sụt giảm mạnh về nhu cầu nhập khẩu thép, qua đó làm ảnh hưởng lớn đến sản lượng thép xuất khẩu của Việt Nam.

c) Nguyên nhân chủ quan:

+ Trong gần 10 năm vừa qua, Tổng công ty hầu như không có những khoản đầu tư mới, trong khi năng lực sản xuất chung của toàn hệ thống tiếp tục suy giảm do kết quả thực hiện công tác tái cơ cấu, thoái vốn tại một số đơn vị thành viên.

+ Trên thị trường, cạnh tranh diễn ra gay gắt với sự xuất hiện của nhiều doanh nghiệp có quy mô lớn, công nghệ hiện đại và khép kín, có vị trí thuận lợi về giao thông,… gia tăng cạnh trạnh với các đơn vị trong hệ thống về thị phần, giá bán.

+ Một số công việc tồn đọng chưa giải quyết xong: Việc quyết toán cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty; công nợ khó đòi của Công ty CP Gang thép Thái Nguyên; việc tháo gỡ khó khăn cho Dự án Tisco 2, Nhà máy Gang thép Lào Cai của Công ty Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung.

+ Công tác đầu tư xây dựng cơ bản còn một số tồn tại và tồn đọng như: kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản tại một số đơn vị vẫn còn phải điều chỉnh, bổ sung; tiến độ thực hiện một số dự án còn kéo dài; việc huy động vốn khó khăn và việc giải ngân thấp. Một số vướng mắc tồn đọng liên quan đến quản lý đất đai, bất động sản từ các năm trước chưa được giải quyết triệt để.

Từ những phân tích trên cho thấy, kết quả SXKD năm 2023 của Tổng công ty và nhiều đơn vị thành viên diễn biến theo chiều hướng kém tích cực hơn so với năm 2022, chủ yếu là do các nguyên nhân khách quan, bất khả kháng và không nằm ngoài diễn biến chung mà hầu hết các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh thép trên thị trường đang phải đối mặt. Các nguyên nhân chủ quan đã diễn ra trong suốt thời gian dài và đòi hỏi những giải pháp tổng thể, đồng bộ để từng bước khắc phục.

3. Những định hướng quan trọng

Hội đồng quản trị thống nhất nhận định: Kinh tế trong nước năm 2024 tiếp tục phải chịu những tác động tiêu cực ảnh hưởng lâu dài của đại dịch covid-19, khủng hoảng năng lượng do tác động của cuộc chiến Nga- Ukaina do đó ngành thép không tránh khỏi việc bị ảnh hưởng như: thị trường bất động sản cùng nhiều dự án đầu tư xây dựng bị đình trệ, nhiều công trình nhà ở dân dụng cũng bị trì hoãn khởi công...tuy nhiên, diễn biến giá thép thị trường thế giới biến động khó lường khiến việc nhận định thị trường thép cần rất thận trọng.

Đối với Tổng công ty, năng lực cạnh tranh có phần hạn chế do quy mô phân tán, nhiều đơn vị có công nghệ, thiết bị cũ, không được đầu tư phát triển trong những năm gần đây, đặt trong bối cảnh thị trường dư thừa công suất, nhu cầu suy giảm mạnh, hoạt động xuất khẩu bị ảnh hưởng, các đơn vị sẽ tăng cường cạnh tranh trên thị trường trong nước,... vì vậy dự báo hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty sẽ bị tác động lớn hơn so với bình quân thị trường.

Do vậy, mục tiêu chủ đạo trong kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của Tổng công ty là tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả; đảm bảo tài chính cân đối lành mạnh; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, uy tín, sức cạnh tranh của các đơn vị trong hệ thống Tổng công ty nhằm tối đa hóa giá trị lợi ích cho các cổ đông, đóng góp cho ngân sách nhà nước, tạo công ăn việc làm, thu nhập ổn định cho người lao động. Ngoài ra, để nâng cao công suất tại một số đơn vị chủ lực trong hệ thống, Tổng công ty sẽ rà soát và tập trung đầu tư một số Dự án trọng điểm.

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

Cơ sở của ý kiến kiểm toán loại trừ

Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng vẫn không thể thu thập được đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để có thể đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề sau đây đến các khoản mục có liên quan đến Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm:

1.1. Như Tổng Công ty trình bày tại thuyết minh số 40, "Dự án mở rộng Gang thép giai đoạn 2 - Công ty Gang thép Thái Nguyên" (sau đây gọi tắt là "Dự án") được triển khai từ năm 2007, việc đầu tư dự án đã kéo dài hơn so với dự kiến ban đầu và hiện vẫn chưa hoàn thành. Hiện tại, Chính phủ và các cơ quan có liên quan đang trong quá trình xử lý các sai phạm, tìm các giải pháp tháo gỡ khó khăn để hoàn thành dự án. Do vậy, chúng tôi không thể xác định được ảnh hưởng của các vấn đề này đến:

- Giá trị các khoản mục có liên quan đến Dự án được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

- Giá trị chi phí lãi vay được vốn hóa vào Dự án (trình bày tại thuyết minh số 10) kể từ thời điểm Dự án chậm tiến độ.

- Và, tổn thất có thể có liên quan đến dự án cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đến các chỉ tiêu khác có liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

1.2. Tổng Công ty trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giá trị đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu của khoản đầu tư vào Công ty TNHH Khoáng sản Luyện kim Việt Trung (gọi tắt là "VTM") tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 0 tỷ VND; tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 192,27 tỷ VND . Giấy phép khai thác của VTM tại mỏ Quý Sa, xã Sơn Thủy, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai đã hết hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2020. Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính năm 2023 của VTM (chưa được kiểm toán) nhưng không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến đối với Báo cáo tài chính này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết đối với giá trị của khoản đầu tư vào VTM và ảnh hưởng của vấn đề này đến các chỉ tiêu khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Tổng Công ty.

1.3. Tổng Công ty trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giá gốc của khoản đầu tư và giá trị dự phòng vào Công ty Cổ phần Sắt Thạch Khê tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 lần lượt là 274,24 tỷ VND và 3,37 tỷ VND; tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 lần lượt là 274,24 tỷ VND và 3,16 tỷ VND. Công ty Cổ phần Sắt Thạch Khê được thành lập từ năm 2007 để thực hiện đầu tư dự án khai thác quặng sắt tại mỏ sắt Thạch Khê thuộc huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện nay, Công ty Cổ phần Sắt Thạch Khê

đang trong giai đoạn tạm dừng hoạt động chờ quyết định của Chính phủ để xem xét chủ trương tiếp tục triển khai dự án Mỏ sắt Thạch Khê. Do đó, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết đối với khoản mục "Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn" và các khoản mục có liên quan trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Tổng Công ty.

1.4. Như Tổng Công ty trình bày tại thuyết minh số 38, đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất này, Bộ Công Thương và các cơ quan nhà nước có liên quan đang trong quá trình thực hiện việc quyết toán cổ phần hóa Tổng Công ty theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Do đó, chúng tôi chưa thể xác định ảnh hưởng của vấn đề này đến các khoản mục có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Tổng Công ty.

1.5. Như Tổng Công ty trình bày tại thuyết minh số 41 (mục 7), Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với một số mỏ tại khu vực huyện Đại Từ và huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên với tổng số tiền 65,26 tỷ VND. Tuy nhiên, Công ty chưa thực hiện điều chỉnh Báo cáo tài chính theo số tiền được phê duyệt do chưa xác định được số tiền phải điều chỉnh tương ứng cho từng khu vực. Dựa trên các thông tin hiện có, chúng tôi chưa thể xác định được những điều chỉnh cần thiết đối với các khoản mục có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Tổng Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng của vấn đề được nêu tại đoạn " Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh:

- Tổng Công ty có các cam kết về góp vốn và bảo lãnh được thuyết minh chi tiết tại thuyết minh số 39.

Các vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán ngoại trừ nêu trên của chúng tôi.

2. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán

a) Bảng cân đối kế toán

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	31/12/2023	01/01/2023 (đã điều chỉnh)
TÀI SẢN			

A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**	**10.707.085.077.306**	**10.129.489.218.644**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**1.351.540.926.819**	**1.487.755.903.931**
1. Tiền	**111**	519.640.315.312	514.955.903.931
2. Các khoản tương đương tiền	**112**	831.900.611.507	972.800.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**1.984.300.000.000**	**1.035.404.706.849**
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	**123**	1.984.300.000.000	1.035.404.706.849
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**	**2.788.499.120.497**	**2.501.812.091.253**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	**131**	2.903.935.815.563	2.721.751.623.699
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	**132**	81.844.001.399	54.546.248.221
6. Phải thu ngắn hạn khác	**136**	394.996.305.420	335.998.011.417
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	**137**	(592.389.996.910)	(610.483.792.084)
8. Tài sản Thiếu chờ xử lý	**139**	112.995.025	-
IV. Hàng tồn kho	**140**	**4.046.856.374.285**	**4.714.395.723.215**
1. Hàng tồn kho	**141**	4.111.348.255.344	4.870.791.441.275
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	**149**	(64.491.881.059)	(156.395.718.060)
V.Tài sản ngắn hạn khác	**150**	**535.888.655.705**	**390.120.793.396**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	**151**	83.023.906.525	88.738.380.880
2. Thuế GTGT được khấu trừ	**152**	414.287.979.150	266.928.967.971
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	**153**	38.576.770.030	34.453.444.545
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**	**12.638.655.874.848**	**13.104.761.358.701**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**	**62.875.900.474**	**61.098.035.221**
2. Trả trước cho người bán dài hạn	**212**	21.046.613.341	21.046.613.341
6. Phải thu dài hạn khác	**216**	41.829.287.133	40.051.421.880
II.Tài sản cố định	**220**	**2.665.269.949.200**	**2.957.526.367.252**
1. Tài sản cố định hữu hình	**221**	**1.835.259.788.876**	**2.129.102.481.791**
- Nguyên giá	**222**	*12.312.251.405.629*	*12.275.264.992.941*

- Giá trị hao mòn lũy kế	223	*(10.476.991.616.753)*	*(10.146.162.511.150)*
3. Tài sản cố định vô hình	227	**830.010.160.324**	**828.423.885.461**
- Nguyên giá	228	*969.661.389.567*	*963.700.804.401*
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	*(139.651.229.243)*	*(135.276.918.940)*
III. Bất động sản đầu tư	230	**80.094.736.926**	**84.736.083.229**
- Nguyên giá	231	*192.269.450.832*	*192.269.450.832*
- Giá trị hao mòn lũy kế	232	*(112.174.713.906)*	*(107.533.367.603)*
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	**6.680.126.201.478**	**6.319.583.342.249**
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	42.858.495.355	39.558.770.500
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	6.637.267.706.123	6.280.024.571.749
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	**2.820.054.220.202**	**3.284.069.498.323**
1. Đầu tư vào công ty con	251	34.511.992.908	34.511.992.908
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	2.399.071.252.518	2.858.338.389.770
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	456.585.944.694	452.589.234.494
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	(70.114.969.918)	(62.370.118.849)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	-	1.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260	**330.234.866.568**	**397.748.032.427**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	327.548.636.478	394.483.523.392
Tái sản thuế thu nhập hoãn lại	263	2.686.230.090	3.264.509.035
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	**23.345.740.952.154**	**23.234.250.577.345**
NGUỒN VỐN			
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	**14.067.201.011.390**	**13.347.955.916.821**
I. Nợ ngắn hạn	310	**10.904.291.834.329**	**10.301.722.082.998**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	1.310.485.377.140	953.199.973.455
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	26.394.488.583	25.263.967.629

3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	151.402.371.460	260.930.362.561
4. Phải trả người lao động	314	311.362.384.781	323.022.809.955
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	2.195.440.268.382	1.908.081.384.383
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	2.385.064.032	7.750.085.428
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	717.750.417.594	568.560.371.694
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	6.077.679.536.132	6.132.520.934.370
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	27.107.625.539	24.923.058.080
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	84.284.300.686	97.469.135.443
II. Nợ dài hạn	330	**3.162.909.177.061**	**3.046.233.833.823**
1. Phải trả người bán dài hạn	331	281.191.800.002	276.945.474.444
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	475.420.799.576	361.578.165.611
7. Phải trả dài hạn khác	337	627.695.948.566	626.148.198.962
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	1.702.102.526.912	1.709.272.184.020
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	7.749.872.232	5.395.673.623
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	68.748.229.773	66.894.137.163
D.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	**9.278.539.940.764**	**9.886.294.660.524**
I. Vốn chủ sở hữu	410	**9.278.539.940.764**	**9.886.294.660.524**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	6.780.000.000.000	6.780.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	6.780.000.000.000	6.780.000.000.000
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	146.913.536.252	143.398.712.556
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	(803.624.369.177)	(803.624.369.177)
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	(180.330.372.250)	(134.671.254.957)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	330.392.201.950	116.907.025.646
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	1.010.075.228	1.010.075.228
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	**1.853.329.952.543**	**2.556.788.213.440**
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	2.111.020.793.847	3.327.256.462.095

- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	(257.690.841.304)	(770.468.248.655)
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	1.150.848.916.218	1.226.486.257.788
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	**23.345.740.952.154**	**23.234.250.577.345**

b) Kết quả hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**30.459.170.329.122**	**38.703.295.376.336**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	154.060.008.085	211.139.729.560
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**30.305.110.321.037**	**38.492.155.646.776**
4. Giá vốn hàng bán	29.305.857.206.473	37.765.574.514.005
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**999.253.114.564**	**726.581.132.771**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	487.416.087.811	664.318.998.060
7. Chi phí tài chính	421.362.181.326	477.398.657.224
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*353.718.902.891*	*340.949.722.888*
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết	(459.267.137.252)	(693.644.906.519)
9. Chi phí bán hàng	284.529.710.719	298.979.810.352
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	614.427.319.087	673.538.161.857
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**(292.917.146.009)**	**(752.661.405.121)**
12. Thu nhập khác	67.786.337.629	69.180.415.396
13. Chi phí khác	26.660.204.685	37.491.227.994
14. Lợi nhuận khác	**41.126.132.944**	**31.689.187.402**
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**(251.791.013.065)**	**(720.972.217.719)**
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	33.553.535.306	34.213.813.769
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	2.932.477.554	3.109.018.584
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**(288.277.025.925)**	**(758.295.050.072)**
18.1 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	(257.690.841.304)	(770.468.248.655)
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	(30.586.184.621)	12.173.198.584

19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	(380)	(1.136)

c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Lợi nhuận trước thuế	**(251.791.013.065)**	**(720.972.217.719)**
2. Điều chỉnh cho các khoản		
- Khấu hao TSCĐ	360.714.036.725	477.339.403.012
- Các khoản dự phòng	(98.214.121.037)	(128.161.385.012)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(274.322.911)	11.297.531.607
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	109.732.567.582	166.234.603.408
- Chi phí lãi vay	353.718.902.891	340.949.722.888
- Các khoản điều chỉnh khác	-	283.471.360
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**473.886.050.185**	**146.971.129.544**
- Tăng, giảm các khoản phải thu	(345.042.199.043)	652.137.796.489
- Tăng, giảm hàng tồn kho	756.143.461.076	2.122.061.674.532
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	398.487.379.806	(2.516.013.810.906)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	72.649.361.269	50.861.761.149
- Tiền lãi vay đã trả	(353.161.085.647)	(335.694.598.617)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(18.214.256.950)	(62.111.248.084)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16.390.000	78.834.669.090
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(39.895.447.757)	(58.206.259.937)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**944.869.652.939**	**78.841.113.260**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1.Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(63.516.799.614)	(81.733.641.291)
2.Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	1.828.278.367	5.903.710.770
3.Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(2.927.600.000.000)	(2.181.885.506.849)
4.Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	1.979.704.706.849	1.977.700.000.000

5.Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(4.519.200.000)	-
6.Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	522.489.800	25.445.233.804
7.Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	263.349.829.487	511.118.992.272
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**(750.230.695.111)**	**256.548.788.706**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
3.Tiền thu từ đi vay	22.867.747.174.344	28.031.768.658.322
4.Tiền chi trả nợ gốc vay	(22.975.623.348.010)	(28.961.321.066.264)
5.Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	-	(3.670.398.414)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(222.915.251.987)	(69.973.833.458)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**(330.791.425.653)**	**(1.003.196.639.814)**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	**(136.152.467.825)**	**(667.806.737.848)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**1.487.755.903.931**	**2.155.628.756.810**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(62.509.287)	(66.115.031)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	**1.351.540.926.819**	**1.487.755.903.931**

Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 460/UBCK-QLPH ngày 20 tháng 02 năm 2012 của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận đăng ký thông tin đại chúng của Tổng công ty. Theo quy định về công bố thông tin của công ty đại chúng, Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP đã thực hiện công bố thông tin trên website của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và trên website của Tổng công ty tại địa chỉ: www.vnsteel.vn./.

Hà Nội, ngày ***12*** *tháng* ***4*** *năm 2024*

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM CTCP

Nghiêm Xuân Đa

Nơi nhận:
- Ủy Ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- SCIC (để b/c);
- Đảng ủy;
- Chủ tịch HĐQT, các UV HĐQT;
- TGĐ, các P.TGĐ;
- Ban Kiểm soát;
- CĐ, ĐTN;
- Các Ban nghiệp vụ;
- Thư ký Tổng công ty;
- Lưu VT, HĐQT (V).

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM – CTCP
Digitally signed by TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM – CTCP
Date: 2024.04.16 16:35:38 +07'00'